

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2506 /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Quyết định số 810/QĐ-BGTVT
ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành
khung giá dịch vụ bốc dỡ container tại cảng biển Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam và Thông tư số 31/2024/TT-BGTVT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ tại cảng biển Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và An toàn giao thông và Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 của Quyết định số 810/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ bốc dỡ container tại cảng biển Việt Nam, như sau:

“Điều 7. Khung giá dịch vụ bốc dỡ container nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển áp dụng đối với bến cảng Lạch Huyện và khu vực Cái Mép - Thị Vải

1. Khung giá dịch vụ bốc dỡ container nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập, tái xuất

Đơn vị tính: USD/container

Loại container	Khung giá dịch vụ Tàu (Sà lan) ↔ Bãi cảng	
	Giá tối thiểu	Giá tối đa
1. Container 20 feet		
Có hàng	63	73
Rỗng	39	48
2. Container 40 feet		
Có hàng	94	107
Rỗng	59	68
3. Container trên 40 feet		
Có hàng	103	119
Rỗng	66	75

2. Khung giá dịch vụ bốc dỡ container quá cảnh, trung chuyển

Đơn vị tính: USD/container

Loại container	Khung giá dịch vụ Tàu (Sà lan) ↔ Bãi cảng	
	Giá tối thiểu	Giá tối đa
1. Container 20 feet		
Có hàng	37	44
Rỗng	23	29
2. Container 40 feet		
Có hàng	56	64
Rỗng	35	41
3. Container trên 40 feet		
Có hàng	62	72
Rỗng	39	45

3. Khung giá dịch vụ bốc dỡ container từ tàu (sà lan) sang bãi cảng và ngược lại áp dụng đối với bốc, dỡ container phục vụ vận chuyển qua lại giữa các cảng để xuất hàng, chuyển cảng đích

Đơn vị tính: USD/container

Loại container	Khung giá dịch vụ Sà lan ↔ Bãi cảng	
	Giá tối thiểu	Giá tối đa
1. Container 20 feet		
Có hàng	9	17
Rỗng	9	17
2. Container 40 feet		
Có hàng	14	25
Rỗng	14	25
3. Container trên 40 feet		
Có hàng	14	25
Rỗng	14	25

Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 7 của Quyết định số 810/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành khung giá dịch vụ bốc dỡ container tại cảng biển Việt Nam.

3. Chánh Văn phòng Bộ Xây dựng, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3 Điều 2;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Công Thương, Tư pháp;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Thủ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng;
- Lưu: VT, VT&ATGT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Sang